

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN T**  
**TỈNH KIÊN GIANG**  
Bản án số: **32/2022/DS-ST**  
Ngày 15/6/2022  
Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Chiến**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

2. Ông **Phạm Văn Động**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** huyện T , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: ông **Huỳnh Văn Nhân** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2021/TLST- DS ngày 28 tháng 01 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-DS ngày 19/5/2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **Võ Thị T** , sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

**2. Bị đơn:** ông **Thạch T** , sinh năm 1995 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thạnh Trúc, xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang

Bà **Trần Thị Mai D** , sinh năm 1988(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang

HKTT: Khu phố P , thị trấn P , huyện H , tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2020, trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:**

Vào ngày 01/01/2020 ông Thạch T có vay bà T số tiền 1.960.000.000đ (Một tỷ chín trăm sáu mươi triệu đồng), thời gian vay 01 tháng đến nay đã quá hạn mà ông Thạch T chưa trả tiền cho bà T , bà T đã đòi nhiều lần nhưng ông Thạch T vẫn không trả, nên bà T làm đơn khởi kiện.

Tờ biên nhận là do ông Thạch T viết và ký tên trước khi giao tiền, trong biên nhận ghi là 3 tỷ nhưng thực tế bà T chỉ cho ông Thạch T vay 1.960.000.000đ (Một tỷ chín trăm sáu mươi triệu đồng).

Trong biên nhận không có ghi lãi nhưng hai bên có thỏa thuận miệng trong thời gian 1 tháng sẽ trả đủ gốc và trả 100.000.000đ tiền lãi.

Việc ông Thạch T yêu cầu trừ ra 550.000.000đ trong số tiền gốc 1.960.000.000đ thì bà T không đồng ý, vì ông Thạch T không trực tiếp trả tiền cho bà T hay gọi điện thoại cho bà T về việc trả số tiền 550.000.000đồng và bà T khẳng định bà Mai D cũng không có trả thay cho ông Thạch T số tiền 550.000.000đ.

**Tại phiên toà bà T yêu cầu:**

Bà T yêu cầu Tòa án xử buộc ông Thạch T trả cho bà T số tiền vay vốn gốc 1.960.000.000đ (Một tỷ chín trăm sáu triệu đồng), theo đơn khởi kiện thì bà T có yêu cầu ông Thạch T trả lãi, tại phiên Tòa bà T rút lại yêu cầu tính lãi suất.

Theo đơn khởi kiện bà T có yêu cầu ông Thạch T, bà D cùng trả nợ, nhưng tại biên bản hoà giải ngày 05/5/2021 bà D không thừa nhận cùng vay tiền với ông Thạch T và không viết biết việc ông Thạch T vay tiền, hơn nữa khi vay tiền ông Thạch T là người trực nhận tiền và trực tiếp viết biên nhận nợ, bà Mai D lúc đó không có mặt. Nay bà T chỉ yêu cầu Tòa án xử buộc ông Thạch T trả nợ 1.960.000.000đ; còn bà Mai D bà T không yêu cầu cùng trả nợ.

**Tại biên bản tự khai ngày 16/4/2021 và biên bản hoà giải ngày 05/5/2021 ông Thạch T trình bày:** ông Thạch T và Trần Thị Mai D có mối quan hệ là bạn gái qua lại với nhau, không phải là vợ chồng hợp pháp. Ngày 01/10/2020 ông Thạch T có làm biên nhận vay tiền của bà T theo biên nhận ghi là 3 tỷ, nhưng thực tế bà T đưa ông Thạch T nhiều lần với số tiền gốc là 1.960.000.000đ (Một tỷ chín trăm sáu mươi triệu đồng). Số tiền ông Thạch T vay của bà T là dùng để trả nợ riêng cho ông Thạch T.

Trong biên nhận ông Thạch T không để tên thật là Thạch T mà ghi là Thạch Ngọc T vì lúc đó ông Thạch T công tác tại Công an huyện T, còn Mai D tên thật là Trần Thị Mai D nhưng ông Thạch T lại ghi là Trần Thị D. Biên nhận do ông Thạch T tự viết, tự ký tên, trong biên nhận không có ghi lãi, nhưng có thỏa thuận ngoài là 10.000đ/1triệu/1 ngày, sau 1 tháng sẽ trả gốc và trả cho bà T 100.000.000đ tiền lãi; trước khi bị bắt khoảng 4 ngày ông Thạch T có kêu bà Mai D trả cho bà T số tiền 550.000.000đ, ông Thạch T cũng không điện thoại cho bà T về việc nhờ Mai D trả 550.000.000đ. Việc trình bày này ông Thạch T không có chứng cứ và không có nhân chứng.

**Ông Thạch T yêu cầu:** Ông Thạch T thừa nhận có vay của bà T số tiền gốc 1.960.000.000đ. ông Thạch T yêu cầu bà Võ Thị T trừ đi số tiền 550.000.000đ mà ông Thạch T nhờ bà D trả cho bà Võ Thị T, như vậy ông Thạch T chỉ còn nợ bà T số tiền gốc 1.410.000.000đ, ông Thạch T cho rằng hiện nay khó khăn, khi nào có điều kiện ông Thạch T sẽ trả cho bà Võ Thị T.

**Tại biên bản tự khai ngày 16/4/2021 và biên bản hoà giải ngày 05/5/2021 bà Trần Thị Mai D trình bày:**

Bà Mai D có quen biết ông Thạch T, trước đây ông Thạch T công tác tại Công an huyện T, trong quá trình quen biết thì gia đình ông Thạch T có nhận bà Mai D

làm con nuôi. Bà Mai D cho rằng không phải là vợ chồng với ông Thạch T .

Theo đơn khởi kiện của bà Võ Thị T kiện ông Thạch T và bà Mai D yêu cầu trả cho bà T số tiền 1.960.000đ, số tiền trên bà Mai D cho rằng bà không có cùng ông Thạch T vay tiền của bà T , biên nhận bà T cung cấp không phải do bà Mai D viết.

Theo lời trình bày của ông Thạch T có nhờ bà Mai D trả cho bà T 550.000.000đ, bà Mai D khẳng định ông Thạch T không có đưa cho bà Mai D 550.000.000đ để trả cho bà T và bà Mai D cũng khẳng định cá nhân bà Mai D không có đưa bà T số tiền 550.000.000đ nêu trên.

Bà Mai D yêu cầu: Việc ông Thạch T trực tiếp vay tiền của bà T 1.960.000.000đồng, thì ông Thạch T có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị T , bà Mai D khẳng định không có vay số tiền trên nên bà Mai D không liên quan đến.

***Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:***

\* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

\* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T, đề nghị buộc ông Thạch T trả cho bà T số tiền vay gốc 1.960.000.000đ; Tại phiên tòa bà T chỉ yêu cầu ông Thạch T trả nợ gốc, bà T rút lại yêu cầu tính lãi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất của bà T .

Đối với yêu cầu của ông Thạch T cản trừ số tiền 550.000.000đ trong số tiền 1.960.000.000đ: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T không thừa nhận có nhận tiền do bà Mai D trả thay cho ông Thạch T , bà Mai D cũng khẳng định không có đưa bà T số tiền 550.000.000đ, việc ông Thạch T trình bày trên không đưa ra được chứng cứ để chứng minh đối với yêu cầu của mình. Do đó, nếu ông Thạch T có chứng cứ thì ông Thạch T có thể khởi kiện bà Mai D đòi lại tài sản ở một vụ kiện dân sự khác khi có đủ điều kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Thạch T , bà Trần Thị Mai D có địa chỉ cư trú tại khu phố A, thị trấn T , huyện T , tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T .

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy, theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Võ Thị T yêu cầu ông Thạch T trả số nợ vay vốn gốc 1.960.000.000đồng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài

sản”.

[3] Về nội dung: Xét thấy bà Võ Thị T, ông Thạch T thống nhất và ông Thạch T thừa nhận có vay của bà T số tiền gốc 1.960.000.000đồng và hứa 1 tháng sẽ trả vốn và cộng lãi 100.000.000đ. Do đó, đây là tình tiết, sự kiện có thật, không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy việc bà T và ông Thạch T thỏa thuận vay tiền là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định pháp luật nên được công nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Thạch T cho rằng có nhờ bà Mai D trả cho bà T 550.000.000đ nên ông Thạch T chỉ thừa nhận còn nợ bà T 1.410.000.000đ, việc trình bày trên của ông Thạch T không có chứng cứ và cũng không có nhân chứng để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Do ông Thạch T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ Điều 463; 466 của Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay, ông Thạch T đã nhận tài sản vay thì phải có nghĩa vụ trả tiền cho bên cho vay khi đến hạn. Do đó trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Thạch T phải thanh toán số tiền nợ vay vốn gốc là 1.960.000.000đồng. Tại phiên tòa bà T rút lại yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi suất của bà Tuyết.

Tại phiên tòa bà Võ Thị T xác định ông Thạch T là người trực tiếp vay tiền và nhận tiền, còn trong biên nhận do ông Thạch T tự ghi có tên bà Mai D, nhưng bà D không có ký tên trong biên nhận. Bà T chỉ yêu cầu cá nhân ông Thạch T trả nợ 1.960.000.000đồng, bà T không yêu cầu bà Mai D cùng trả nợ là phù hợp, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại biên bản hoà giải ngày 05/5/2021 và tại phiên tòa bà Võ Thị T không thừa nhận có nhận của bà Mai D 550.000.000đ do ông Thạch T nhờ bà Mai D trả nợ; bà Mai D không thừa nhận việc ông Thạch T nhờ bà Mai D trả cho bà T 550.000.000đ trong số nợ 1.960.000.000đồng; bà Mai D cũng khẳng định không có đưa bà T 550.000.000đ. Do đó, việc khai nại của ông Thạch T là không có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, nếu ông Thạch T có chứng cứ về việc đưa cho bà Mai D số tiền 550.000.000đ thì ông Thạch T có thể khởi kiện bà Mai D ở vụ kiện dân sự khác và giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu của ông Thạch T đề nghị khi nào có tiền sẽ trả cho bà Võ Thị T. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của bị đơn nên Tòa án không có cơ sở để ghi nhận và yêu cầu này cũng không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

Từ những nhận định trên sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị T về việc yêu cầu bị đơn ông Thạch T trả số tiền vay vốn gốc là 1.960.000.000đồng (một tỷ chín trăm sáu mươi triệu đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông Thạch T phải chịu án phí trên số tiền trả cho bà T được tính như sau:

800.000.000 đ = 36.000.000 đồng

1. 160.000.000 đ x 3% = 34.800.000 đồng

Tổng cộng: 70.800.000 đồng

Hoàn trả lại cho bà Võ Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 35.400.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0008188 ngày 20/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn ông Thạch T.

2. Buộc ông Thạch T phải trả cho bà Võ Thị T số tiền: 1.960.000.000 đồng (một tỷ chín trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Thạch T phải nộp số tiền 70.800.000 đ (bảy mươi triệu tám trăm ngàn đồng)

Hoàn trả lại cho bà Võ Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 35.400.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0008188 ngày 20/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Thạch T, bà Trần Thị Mai D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện T ;
- Chi cục THA huyện T ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Chiến**